

Bản án số: **86/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 10/6/2026

V/v: *Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Tuấn Anh.

2. Ông Hà Văn Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2026/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa 56/2026/QĐST ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị N**, sinh ngày 15/9/1991.

Trú tại: Bản C, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040191039xxx.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Cao Văn Q**, sinh ngày 24/12/1989.

Trú tại: Xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040098002xxx.

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn Q đăng ký kết hôn ngày 29/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh

Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị N và anh Q không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay chị Trương Thị N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Cao Văn Q.

Về con chung: Giữa chị và anh Q có một con chung là Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025. Quá trình làm đơn khởi kiện, chị N có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh Cao Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, chị N thay đổi yêu cầu anh Cao Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Cao Văn Q vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh Cao Văn Q đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Kết quả xác minh tại Công an xã T, tỉnh Nghệ An: Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh Cao Văn Q hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Kính, xã T, tỉnh Nghệ An.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An: Chị Trương Thị N và anh Cao Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 29/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An), đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị Trương Thị N và anh Cao Văn Q phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện tại, chị Trương Thị N và anh Cao Văn Q đã sống ly thân. Giữa chị N và anh Q có một con chung là Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025. Chị N làm đơn xin ly hôn với anh Cao Văn Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại bà Trương Thị Sáu (là mẹ anh Q): Con trai bà là Cao Văn Q, sinh năm 1989. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm K xã T, tỉnh Nghệ An. Hiện tại, anh Cao Văn Q đi làm công nhân ở H nên thỉnh thoảng mới về nhà. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như thế nào bà không biết. Hiện nay, chị N về sinh sống bên ngoại tại B, xã Q, tỉnh Nghệ An nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2025 đến nay. Giữa chị Trương Thị N và anh Cao Văn Q có một con chung là Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025, hiện tại con chung đang do chị N trực tiếp

nuôi dưỡng ở B, xã Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã báo cho anh Q biết để anh Q gửi ý kiến về cho Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An. Tuy nhiên, anh Cao Văn Q bận đi làm ăn ở H không về được. Thông qua việc trao đổi điện thoại với anh Q thì bà cho biết anh Q có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Trương Thị N do vợ chồng sống ly thân đã lâu. Ngoài ra, anh Q có ý kiến đồng ý giao con chung Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Văn Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền 1.500.000 đồng/tháng vì anh Q đi làm công nhân có thu nhập ổn định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Nghệ An tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc. Nguyên đơn chị Trương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83, 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho chị Trương Thị N được ly hôn với anh Cao Văn Q.

Về con chung: Giao con chung Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025 cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Trương Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Cao Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Trương Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Cao Văn Q và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Cao Văn Q có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh Cao Văn Q đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Cao Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Cao Văn Q đăng ký kết hôn ngày ngày 29/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh Q đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Chị N xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh Q nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn với anh Cao Văn Q. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị N được ly hôn với anh Cao Văn Q.

[2.2] Về con chung: Chị Trương Thị N và anh Cao Văn Q có một con chung là Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025. Hiện nay con chung đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương, xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và ý kiến của chị Nga, anh Q xét thấy cần giao con chung Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025 cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trương Thị N số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 5 năm 2026 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Trương Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 28, 35; 39; 147; khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị N đối với anh Cao Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Cao Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Diệu N, sinh ngày 24/02/2025 cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trương Thị N số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 5 năm 2026 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Cao Văn Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị N và anh Cao Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Trương Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trương Thị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002597 ngày 13/4/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Anh Cao Văn Q chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sầm Thị Thanh Sương